

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2017
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, về nuôi
con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vượng.

2. Ông Nguyễn Văn Môn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- Đại diện VKSND Thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2017, tại trụ sở TAND thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 163/2017/TLST - HNGĐ ngày 30/5/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/7/2017, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện T, tỉnh B.

+ Bị đơn: Anh Phan Minh T, sinh năm 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 115 tổ dân phố số 2, phường M, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Phan Minh T vào ngày 20/01/2012 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố B, tỉnh B.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ngay cùng gia đình nhà anh T tại phường M, thành phố B, tỉnh B. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2013 thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong sinh hoạt, cuộc sống chung giữa vợ chồng với bố mẹ chồng hay xảy ra xích mích. Mỗi khi có xích mích như vậy, anh T lại đánh chị. Nhiều lần như vậy, chị không thể chịu đựng được nên đến khoảng đầu năm 2014, chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã Q, huyện T, tỉnh B ở từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã cố gắng khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn không thể đoàn tụ. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Phan QA sinh ngày 08/12/2012, hiện đang ở với anh T. Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2017, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nhưng tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2017 và tại phiên tòa, chị không yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi con chung vì chị làm công nhân không có thời gian chăm sóc con chung, chị đi làm từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối mới về nhà. Về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phan Minh T trình bày:

Về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn anh T trình bày thống nhất với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng với gia đình nhà anh tại phường M, thành phố B, tỉnh B. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khi con chung được khoảng mười tháng tuổi thì chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ một mình, anh cũng không biết lý do, vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì. Từ lúc, chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh cùng bố mẹ anh có xuống dưới nhà bố mẹ đẻ chị N nói chuyện đón chị về nhưng chị vẫn không về. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị N nữa, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Phan QA sinh ngày 08/12/2012, hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc và sức khỏe nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và giải quyết vắng mặt anh tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như trong tất cả các phiên tòa xét xử.

Tại biên bản làm việc ngày 03/7/2017, bà Đỗ Thị T là mẹ đẻ anh Phan Minh T cung cấp:

Chị N và anh T kết hôn năm 2012, sau khi chung sống được khoảng hơn một năm thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T và chị N không hòa hợp về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Sau đó, khi cháu QA được hơn mười tháng tuổi thì chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không đoàn tụ được. Vợ chồng có 01 con chung là Phan QA, sinh ngày 08/12/2012, hiện đang ở với anh T và vợ chồng bà. Từ lúc bỏ đi đến giờ, chị N thi thoảng mới về thăm con. Trong suốt quá trình chung sống với vợ chồng bà, anh T, chị N không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của vợ chồng bà và anh T, chị N cũng không tạo lập được tài sản chung gì.

Tại biên bản làm việc ngày 03/7/2017, ông Nguyễn Văn P là tổ trưởng tổ dân phố số 2, phường M, thành phố B, tỉnh B cung cấp:

Chị N và anh T là vợ chồng, kết hôn năm 2012, sau khi chung sống được khoảng hơn một năm thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T và chị N bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Có lần anh T đánh đập chị N, ông và cán bộ địa phương đã phải sang tận nhà để hòa giải. Việc hòa giải không thành, sau đó, khi không thể chịu đựng được nữa, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, không còn chung sống cùng anh T ở địa phương nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh T; về con chung giao cho anh T nuôi dưỡng; Về án phí chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Minh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Phan Minh T kết hôn ngày 20/01/2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố B, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp đúng với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã xảy ra xô sát. Mặc dù, hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2014. Từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm gì đến ai. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N, anh T đều xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với nhau và đều nhất trí ly hôn. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Phan QAsinh ngày 08/12/2012, hiện con chung đang ở cùng anh T. Chị N nhất trí để anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Điều này, hoàn toàn phù hợp với mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con của anh T. Hơn nữa, con chung đã ở với anh T từ nhỏ, hiện vẫn phát triển khỏe mạnh, bình thường, chị N không có thời gian chăm sóc con. Do đó để đảm bảo quyền lợi của con chung, việc giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị N có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N và anh T đều xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Phan Minh T

2. Về con chung: Giao con chung Phan QAsinh ngày 08/12/2012 cho anh Phan Minh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận.

Chị N có quyền thăm nom con không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Btheo biên lai số AA/2014/0001281 ngày 30/5/2017. Xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phan Minh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP .B;
- UBND phường M, TP. B.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Hảo